

Số: 04/TB-UBND

Kim Phượng, ngày 02 tháng 01 năm 2024

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai số liệu và công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã Kim Phượng quý IV năm 2023

Kính gửi: - Đảng ủy, HĐND, UBND và các tổ chức chính trị xã Kim Phượng
- 14 xóm trên địa bàn xã Kim Phượng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 26 tháng 6 năm 2015 và các văn bản hướng dẫn;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT – BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách, Thông tư số 61/2017/TT – BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

Căn cứ Quyết định số 6388/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND huyện Định Hóa về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 huyện Định Hóa;

Căn cứ Nghị quyết số: 15/NQ-HĐND ngày 30/12/2022 của HĐND xã Kim Phượng khoá II, kỳ họp thứ 05 nhiệm kỳ 2021-2026 về phê chuẩn dự toán ngân sách xã Kim Phượng năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 1106/QĐ - UBND ngày 30/03/2023 của UBND huyện Định Hóa trích ngân sách năm 2023 bổ sung kinh phí cho các cơ quan đơn vị, UBND các xã, thị trấn để thực hiện công tác an toàn giao thông trên địa bàn huyện Định Hóa;

Căn cứ Quyết định số 3506/QĐ - UBND ngày 30/06/2023 của UBND huyện Định Hóa phê duyệt dự toán nguồn kinh phí thực hiện Đề án: Phát triển du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống các dân tộc huyện Định Hóa giai đoạn 2021-2025, định hướng năm 2030” phân kỳ năm 2023;

Căn cứ Quyết định số: 5132 /QĐ-UBND ngày 13/9/2023 của UBND huyện Định Hóa về việc trích ngân sách năm 2023 bổ sung dự toán cho các cơ quan,

đơn vị, UBND các xã, thị trấn thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số:24/2023/NĐ-CP và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số: 42/2023/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 5813 /QĐ - UBND ngày 05/10/2023 của UBND huyện Định Hóa giao kinh phí sự nghiệp kinh tế năm 2023 thực hiện các nhiệm vụ quy hoạch trên địa bàn huyện Định Hóa;

Căn cứ Quyết định số 6702/QĐ - UBND ngày 25/10/2023 của UBND huyện Định Hóa trích ngân sách huyện năm 2023 bổ sung kinh phí cho các cơ quan đơn vị, UBND các xã, thị trấn để thực hiện những nhiệm vụ chính trị phát sinh;

Căn cứ Quyết định số 6471/QĐ - UBND ngày 07/11/2023 của UBND huyện Định Hóa về việc thu hồi, bổ sung kinh phí năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 6492/QĐ - UBND ngày 08/11/2023 của UBND huyện Định Hóa giao kinh phí để thực hiện Nghị định 35/NĐ-CP ngày 13/5/20215 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa để sửa chữa các công trình kênh mương, thủy lợi trên địa bàn huyện Định Hóa;

Căn cứ Quyết định số 6636/QĐ-UBND ngày 16/11/2023 của UBND huyện Định Hóa về việc thu hồi, bổ sung kinh phí thực hiện Nghị định 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/20219 của Chính phủ năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 7131/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của UBND huyện Định Hóa về việc trích ngân sách năm 2023 bổ sung kinh phí chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động do sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 7328/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND huyện Định Hóa về việc phân bổ chi tiết kinh phí hỗ trợ các đơn vị mua xi măng xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới năm 2023 (lần 1).

I. Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã quý IV năm 2023 như sau:

- Cân đối ngân sách xã quý IV năm 2023 (theo Biểu số 113/CKTC-NSNN kèm theo Thông báo này);

- Ước thực hiện thu ngân sách xã quý IV năm 2023 (theo Biểu số 114/CKTC-NSNN kèm theo Thông báo này);

- Ước thực hiện chi ngân sách xã quý IV năm 2023 (theo Biểu số 115/CKTC-NSNN kèm theo Thông báo này);

II. Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý IV năm 2023

(Có thuyết minh kèm theo)

III. Thời gian và địa điểm niêm yết công khai số liệu và công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý IV năm 2023:

1. Thời gian niêm yết công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý IV năm 2023 kể từ hồi 07 giờ 30 phút ngày 04 tháng 01 năm 2024 đến 08 giờ 00 phút ngày 04 tháng 02 năm 2024.

2. Địa điểm niêm yết công khai tại: Nhà một cửa của UBND xã Kim Phượng và các nhà văn hóa xóm và trên trang thông tin điện tử xã Kim Phượng tại địa chỉ: <http://kimphuong.dinhhoa.thainguyen.gov.vn> chuyên mục công khai ngân sách.

Ủy ban nhân dân xã yêu cầu công chức Kế toán - ngân sách xã, công chức Văn phòng - thống kê gửi thông báo đến toàn thể các cán bộ, công chức cơ quan. Các ông (bà) Trưởng xóm thực hiện niêm yết tại Nhà văn hóa xóm, thông báo trên cụm loa truyền thanh của xóm hoặc tại các buổi họp xóm để nhân dân được biết./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch;
- TT Đảng ủy; TT HĐND xã;
- Chủ tịch và P.Chủ tịch UBND xã;
- Các ban ngành thuộc xã; các trưởng xóm;
- Lưu VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trương Anh Tú

THUYẾT MINH
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2023

I. Về thu ngân sách:

*** Dự toán thu ngân sách Nhà nước năm 2023: 9.490.827.587 đồng**

(Dự toán giao đầu năm : 7.015.000.000 đồng, bổ sung quý II: 893.424.822 đồng, bổ sung quý III: 166.273.465 đồng, bổ sung quý IV: 1.416.129.300đ)

Trong đó:

1. Thu các khoản xã hưởng 100%: 227.162.000 đồng.
2. Thu các khoản phân chia theo tỷ lệ %: 151.000.000 đồng.
3. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 8.696.129.300 đồng.
4. Thu chuyên nguồn: 382.866.822 đồng.
5. Thu kết dư ngân sách: 33.669.465 đồng

Trong quý IV được bổ sung dự toán tiền như sau:

STT	Bổ sung dự toán thu quý IV năm 2023	Số tiền
I	Đầu tư phát triển	342.679.050
1	Bổ sung có mục tiêu ngân sách năm 2023 NSTW thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (Mã CTMT 00492)	132.300.000
2	Kinh phí hỗ trợ xi măng xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới năm 2023	210.379.050
II	Kinh phí thường xuyên	1.073.450.250
1	Bổ sung có mục tiêu ngân sách năm 2023 thực hiện công tác bảo vệ và phát huy giá trị di tích trên địa bàn huyện Định Hóa	2.000.000
2	Hỗ trợ chi phí hỏa táng theo Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND ngày 10/01/2021 của HĐND tỉnh Thái Nguyên	5.000.000
3	Bổ sung có mục tiêu ngân sách kinh phí thực hiện Nghị định số 35/2015/NĐ-CP về quản lý, sử dụng đất trồng lúa	240.000.000
4	Bổ sung kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc	459.400.000
5	Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ quy hoạch (Quy hoạch chi tiết điểm khu dân cư xã Kim Phượng)	248.418.000
6	Bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ chính trị phát sinh	80.000.000
7	Bổ sung kinh phí thực hiện Nghị định 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ năm 2023.	13.818.000
9	Kinh phí hỗ trợ cán bộ nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu	24.814.250
	Tổng cộng	1.416.129.300

* Tổng thu ngân sách xã thực hiện quý IV/2023: 2.845.044.333 đồng . Cụ thể như sau:

Trong đó thu trong cân đối là: 52.369.033/252.000.000đ đạt 20,78 % so với dự toán giao. Tuy nhiên chỉ tiêu thu phí, lệ phí đạt thấp .

Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên thực hiện: 2.792.675.300đ /8.696.129.300đ đạt 32,1 % so với dự toán giao đầu năm và dự toán giao bổ sung trong năm.

II. Về chi ngân sách:

* **Dự toán chi Ngân sách Nhà nước năm 2023: 9.486.863.242 đồng.**

(Dự toán giao đầu năm : 7.015.000.000 và bổ sung quý II: 893.424.822 đồng, bổ sung quý III: 166.273.465đ, bổ sung quý IV: 1.412.164.955 đồng)

Trong đó:

1. Chi đầu tư phát triển: 579.532.058 đồng.
2. Chi thường xuyên: 8.793.331.184 đồng
3. Chi dự phòng: 114.000.000

Trong quý được bổ sung chi cụ thể như sau:

DVT: đồng

STT	Bổ sung dự toán chi quý IV năm 2023	Số tiền
I	Đầu tư phát triển	341.243.370
1	Bổ sung có mục tiêu ngân sách năm 2023 NSTW thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (Mã CTMT 00492)	132.300.000
2	Kinh phí hỗ trợ xi măng xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới năm 2023	210.379.050
3	Giảm dự toán Nhà vệ sinh, nhà để xe UBND xã Kim Phượng (Nguồn tiền đất: đo đạc đất)	-1.435.680
II	Kinh phí chi thường xuyên	1.070.921.585
1	Bổ sung có mục tiêu ngân sách năm 2023 thực hiện công tác bảo vệ và phát huy giá trị di tích trên địa bàn huyện Định Hóa	2.000.000
2	Hỗ trợ chi phí hỏa táng theo Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND ngày 10/01/2021 của HĐND tỉnh Thái Nguyên	5.000.000
3	Bổ sung có mục tiêu ngân sách kinh phí thực hiện Nghị định số 35/2015/NĐ-CP về quản lý, sử dụng đất trồng lúa	240.000.000
4	Bổ sung kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc	459.400.000
5	Thực hiện các nhiệm vụ quy hoạch (Quy hoạch chi tiết điểm khu dân cư xã Kim Phượng)	248.418.000
6	Bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ chính trị phát sinh	80.000.000

7	Bổ sung kinh phí thực hiện Nghị định 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ năm 2023.	13.818.000
8	Giảm chi nguồn kết dư ngân sách năm 2022 sang năm 2023 để thực hiện chi cải cách tiền lương	-2.528.665
9	Kinh phí hỗ trợ cán bộ nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu	24.814.250
	Tổng cộng	1.412.164.955

* Chi ngân sách xã thực hiện quý IV/2023: 3.185.780.787 đồng. Trong đó:

Chi đầu tư phát triển thực hiện 264.901.870đ/579.532.058đ đạt 45,71 % so với dự toán được giao.

Chi thường xuyên thực hiện: 2.817.678.417đ/8.793.331.184đ bằng 32,04 % so với kế hoạch giao và bổ sung dự toán.

Chi dự phòng thực hiện: 103.200.500đ/114.000.000đ đạt 90,53% so với dự toán giao năm 2023.

Nhìn chung trong quý IV năm 2023 việc đáp ứng các khoản chi thường xuyên theo chế độ đều được đảm bảo và không để xảy ra tình trạng nợ đọng như lương, phụ cấp và các khoản chi phục vụ nhiệm vụ chính trị trên địa bàn xã.

Trên đây là thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý IV năm 2023 của UBND xã Kim Phượng.

Kế toán

Ngày 02 tháng 01 năm 2024

CHỦ TỊCH UBND XÃ

Lê Thị Hà

Trương Anh Tú

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2023*(Kèm theo Thông báo số 04/TB-UBND ngày 02/01/2024 của UBND xã Kim Phương)**DVT: đồng*

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ IV NĂM 2023	SỐ SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	9.490.827.587	2.845.044.333	29,98
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	227.162.000	4.578.199	2,02
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	151.000.000	47.790.834	31,65
3	Thu bổ sung	8.696.129.300	2.792.675.300	32,11
	- Thu bổ sung cân đối	6.763.000.000	1.376.546.000	20,35
	- Thu bổ sung có mục tiêu	1.933.129.300	1.416.129.300	73,26
4	Thu chuyển nguồn	382.866.822	0	0,00
5	Thu kết dư ngân sách năm trước	33.669.465	0	0,00
II	TỔNG SỐ CHI	9.486.863.242	3.185.780.787	33,58
1	Chi đầu tư phát triển	579.532.058	264.901.870	45,71
2	Chi thường xuyên	8.793.331.184	2.817.678.417	32,04
3	Dự phòng	114.000.000	103.200.500	90,53

UBND XÃ KIM PHƯỢNG**ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2023**

(Kèm theo Thông báo số: 04/TB-UBND ngày 02/01/2024 của UBND xã Kim Phượng)

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ IV NĂM 2023		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	9.012.529.300	9.490.827.587	2.885.009.987	2.845.044.333	32,0%	30,0%
	Thu trên địa bàn	316.400.000	378.162.000	127.317.071	52.369.033	40,2%	13,8%
	Thu cân đối ngân sách	316.400.000	252.000.000	92.334.687	52.369.033	29,18%	20,78%
I	Các khoản thu 100%	101.000.000	227.162.000	4.616.659	4.578.199	4,57%	2,02%
1	Phí, lệ phí	88.000.000	88.000.000	4.578.199	4.578.199	5,20%	5,20%
	Lệ phí chứng thực, ...	79.000.000	79.000.000	4.578.199	4.578.199	5,80%	5,80%
	Lệ phí môn bài	9.000.000	9.000.000	0	0	0,00%	0,00%
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Thu từ tái sản được xác lập quyền sở hữu của NN theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định		126.162.000	0	0		0,0%
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	13.000.000	13.000.000	38.460	0	0,3%	0,0%
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	215.400.000	151.000.000	87.718.028	47.790.834	40,7%	31,6%
1	Các khoản phân chia	400.000	400.000	9.019.762	5.823.586	2254,9%	1455,9%
1.1	Thuế sử dụng đất PNN	400.000	400.000	5.823.586	5.823.586	1455,9%	1455,9%
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài từ hộ cá nhân, hộ kinh doanh						
1.4	Lệ phí trước bạ nhà đất			3.196.176			
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	215.000.000	150.600.000	78.698.266	41.967.248	36,6%	27,9%
2.1	Thu thuế ngoài quốc doanh	110.000.000	105.600.000	43.715.882	41.967.248	39,74%	39,74%
2.2	Thuế thu nhập cá nhân	55.000.000	0	34.982.384		63,6%	
2.3	Thu tiền sử dụng đất	50.000.000	45.000.000	0	0	0,00%	0,00%
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn		382.866.822	0			0,0%
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		33.669.465				0,0%
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	8.696.129.300	8.696.129.300	2.792.675.300	2.792.675.300	32,1%	32,1%
1	Thu bổ sung cân đối	6.763.000.000	6.763.000.000	1.376.546.000	1.376.546.000	20,4%	20,4%
2	Thu bổ sung có mục tiêu	1.933.129.300	1.933.129.300	1.416.129.300	1.416.129.300	73,3%	73,3%

UBND XÃ KIM PHƯỢNG

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2023
(Kèm theo Thông báo số: 04/TB-UBND ngày 02/01/2024 của UBND xã Kim Phượng)

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ IV NĂM 2023			SO SÁNH (%)		
		Tổng số	XDCB	Thường xuyên	Tổng số	XDCB	Thường xuyên	Tổng số	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	9.486.863.242	579.532.058	8.907.331.184	3.185.780.787	264.901.870	2.920.878.917	33,58%	45,71%	32,79%
1	Chi công tác dân quân tự vệ, ANTT	997.437.431	0	997.437.431	232.935.218	0	232.935.218	23,35%		23,35%
	<i>Chi dân quân tự vệ</i>	649.049.431		649.049.431	142.645.218		142.645.218	21,98%		21,98%
	<i>Chi trật tự an toàn xã hội</i>	348.388.000		348.388.000	90.290.000		90.290.000	25,92%		25,92%
2	Chi sự nghiệp giáo dục	213.090.161		213.090.161	0		0	0,00%		0,00%
2	Chi văn hóa, thông tin	55.058.000	23.558.000	31.500.000	0	0	0	0,00%		0,00%
3	Chi thể dục thể thao	32.500.000		32.500.000	0		0	0,00%		0,00%
4	Bảo vệ môi trường	63.000.000		63.000.000	56.250.000		56.250.000	89,29%		89,29%
5	Chi các hoạt động kinh tế	1.148.346.938	485.768.938	662.578.000	766.389.644	153.164.000	613.225.644	66,74%	31,53%	92,55%
6	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	6.331.370.712	70.205.120	6.261.165.592	1.700.988.095	111.737.870	1.589.250.225	26,87%	159,16%	25,38%
6.1	<i>Quản lý nhà nước</i>	4.313.606.650	70.205.120	4.243.401.530	1.069.690.042	111.737.870	957.952.172	24,80%	159,16%	22,58%
6.2	<i>Đảng cộng sản Việt Nam</i>	767.588.836		767.588.836	241.736.763		241.736.763	31,49%		31,49%
6.3	<i>Mặt trận tổ quốc</i>	457.146.210		457.146.210	216.174.240		216.174.240	47,29%		47,29%
6.4	<i>Đoàn thanh niên</i>	159.384.470		159.384.470	34.803.300		34.803.300	21,84%		21,84%
6.5	<i>Hội liên hiệp phụ nữ</i>	138.512.470		138.512.470	33.723.300		33.723.300	24,35%		24,35%
6.6	<i>Hội Cựu chiến binh</i>	143.734.228		143.734.228	34.947.750		34.947.750	24,31%		24,31%
6.7	<i>Hội nông dân</i>	157.866.048		157.866.048	35.186.700		35.186.700	22,29%		22,29%
6.8	<i>Hội chữ thập đỏ</i>	34.231.800		34.231.800	8.806.000		8.806.000	25,72%		25,72%
6.9	<i>Hội người cao tuổi</i>	73.232.000		73.232.000	6.480.000		6.480.000	8,85%		8,85%
6.10	<i>Hội Khuyến học</i>	23.766.000		23.766.000	4.860.000		4.860.000	20,45%		20,45%
6.11	<i>Các hội đặc thù khác</i>	62.302.000		62.302.000	14.580.000		14.580.000	23,40%		23,40%
7	Chi cho công tác xã hội	182.060.000		182.060.000	48.819.830		48.819.830	26,82%		26,82%
7.1	<i>Trợ cấp hàng tháng cho CB xã</i>	157.060.000		157.060.000	43.819.830		43.819.830	27,90%		27,90%
7.2	<i>Trợ cấp xã hội</i>	25.000.000		25.000.000	5.000.000		5.000.000	20,00%		20,00%
8	Chi khác	350.000.000		350.000.000	250.000.000		250.000.000	71,43%		71,43%
9	Dự phòng ngân sách	114.000.000		114.000.000	103.200.500		103.200.500	90,53%		90,53%
10	Chi nộp trả ngân sách cấp trên	0			27.197.500		27.197.500			